

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2022

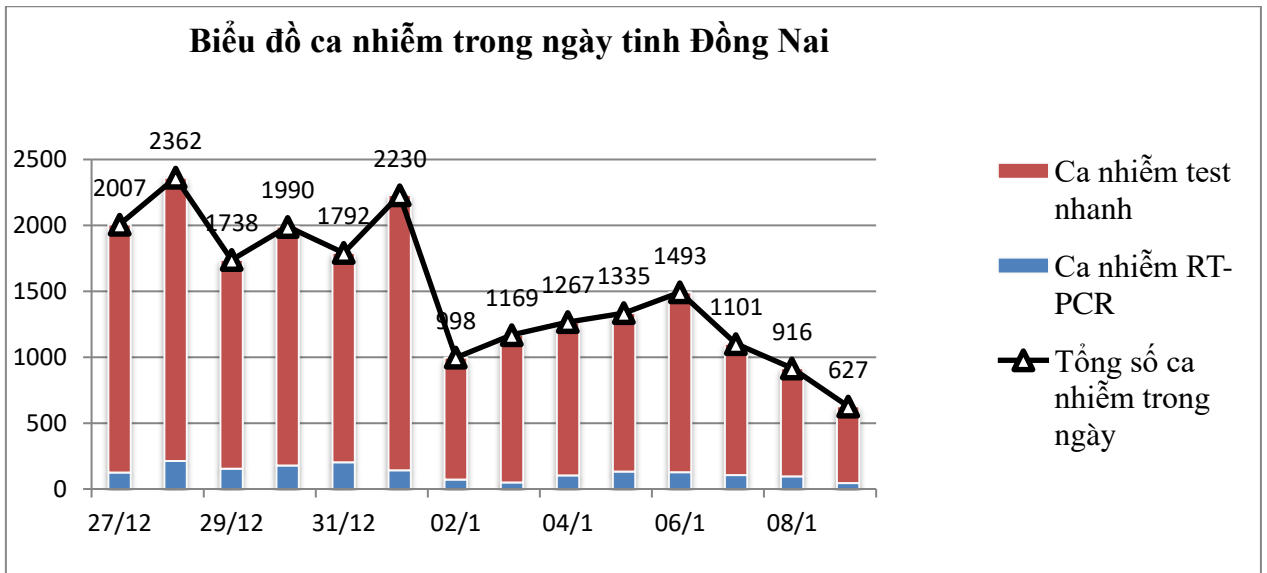
Số: 162 /BC-TTCH

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 09/01/2022

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế ca bệnh	
		Realtime RT-PC	Test nhanh kháng nguyên (+)	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa	Tổng cộng	RT-PCR	Test nhanh
1	Biên Hòa	27	96	117	6	0	123	45.229	65.699
2	Nhon Trạch	10	22	26	0	6	32	19.001	32.893
3	Vĩnh Cửu	0	26	26	0	0	26	13.464	16.673
4	Trảng Bom	2	35	37	0	0	37	9.307	17.775
5	Long Thành	7	83	90	0	0	90	3.784	15.992
6	Thống Nhất	0	48	48	0	0	48	1.962	10.088
7	Long Khánh	0	82	82	0	0	82	1.405	8.607
8	Xuân Lộc	0	30	30	0	0	30	1.346	5.862
9	Định Quán	0	59	59	0	0	59	1.086	7.380
10	Tân Phú	0	61	61	0	0	61	1.044	5.929
11	Cẩm Mỹ	0	39	39	0	0	39	767	5.331
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0
Tổng số		46	581	615	6	6	627	98.798	192.229

* Thực hiện Công văn số 13832/UBND-KGVX ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn tạm thời quy trình xử lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh, ghi nhận ca nhiễm phát hiện bằng phương pháp xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 dương tính 02 lần.



Nhận xét:

- Trong ngày ghi nhận 627 ca mắc mới trong ngày (giảm 31,6%), trong đó có 46 ca phát hiện qua xét nghiệm khẳng định Realtime RT-PCR (giảm 51,6%), 581 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (giảm 29,2%).

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 291.027 ca nhiễm (bằng phương pháp Realtime RT-PCR và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2)

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	09	124	41.673	41.797
Cách ly tại nhà	912	38.456	233.928	272.384
Theo dõi sức khỏe	20	8.687	39.924	48.611

- Thực hiện Công văn số 12542/UBND-KGVX ngày 13/10/2021 về việc triển khai cách ly F1 tại nhà trên địa bàn tỉnh; Công văn số 13650/UBND-KGVX ngày 04/11/2021 về việc triển khai quản lý người nhiễm COVID-19 (F0) tại nhà trên địa bàn tỉnh

- Hiện có 04 huyện, thành phố duy trì hoạt động các khu cách ly tập trung do huyện quản lý bao gồm: Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch; với 18 khu cách ly, tổng số 3.165 giường phục vụ người không đủ điều kiện thực hiện cách ly tại nhà.

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	627	16.697	6.479	272.738	06	1.592	51
Tỉ lệ		5,74%		93,72%		0,55%	0,31%

- Số ca F0 đang điều trị tại cơ sở y tế: 607 ca
- Số ca F0 đang theo dõi tại nhà: 16.090 ca
- Số ca tử vong/100.000 dân: 50 ca
- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm (bao gồm ca bệnh phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PC và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2): **0,55%**

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	328	204	124
Tầng 2	3.821	287	3.534
Tầng 1	5.544	116	5.428

- Triển khai việc từng bước giải thể các Bệnh viện dã chiến: Các Bệnh viện dã chiến số 2,3,4,5,6,7,8,9,10 đã tạm ngừng tiếp nhận bệnh.
- Số ca bệnh nặng, nguy kịch tăng, ngành y tế đang triển khai mở rộng quy mô các giường hồi sức tích cực tại các cơ sở y tế có giường bệnh tuyến huyện trên toàn tỉnh.

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Khỏi bệnh	Lũy kế
1	Biên Hòa	139	6.700	115.455	122.155
2	Long Khánh	82	1.467	7.406	8.873
3	Vĩnh Cửu	34	1.065	17.919	18.984
4	Định Quán	44	779	5.319	6.098
5	Tân Phú	61	1.042	5.222	6.264
6	Trảng Bom	35	625	6.576	7.201
7	Thống Nhất	48	850	9.623	10.473
8	Xuân Lộc	30	922	4.501	5.423
9	Cẩm Mỹ	0	683	4.698	5.381
10	Long Thành	57	1.678	19.927	21.605
11	Nhơn Trạch	10	279	32.614	32.893
	Tổng	540	16.090	229.260	245.350

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 09/01/2022)

- Huyện Nhơn Trạch đề nghị điều chỉnh số liệu dân số từ 12 tuổi trở lên trên địa bàn huyện từ 261.879 người thành 233.603 người (giảm 28.276 người) vì lý do di biến động dân cư khi người lao động về quê sau khi hết giãn cách. Do đó, tỉ lệ tiêm chủng vắc xin thực tế trên địa bàn huyện tăng.

- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 30 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 5.905.568 liều.

- Tỉnh đã thực hiện tiêm 5.784.320 liều vắc xin, trong đó có 2.815.449 liều mũi 1; 2.705.339 liều mũi 2; 242.992 liều bổ sung và 67.777 liều nhắc lại;

- Tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ 12 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 102,24% ; Mũi 2: 98,24%; Mũi 3: 8,82%

- 10/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỉ lệ trên 90% người dân đã được tiêm đủ liều vắc xin trừ huyện Trảng Bom (đạt 88.58%). Trong đó các huyện, thành phố có tỉ lệ bao phủ mũi 2 cao nhất đạt trên 98% bao gồm: Biên Hòa, Long Khánh, Long Thành, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc.

- Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,01%.

- Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 98,25%.

- Tỉ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

+ Mũi 1: 95,14%; Mũi 2: 85,36%

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	2.409	469	2.095.016	264.943
RT-PCR mẫu đơn	758	238	2.074.174	263.470
RT-PCR mẫu gộp	342	55	363.725	31.881
Lượt người thực hiện PCR	1.274	238	3.853.131	263.470

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 55 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Triển khai Kế hoạch số 13691/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thiết lập Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Trong đó:

- + 209 TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (64), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (14), Thống Nhất (10), Tân Phú (18), Long Khánh (15), Xuân Lộc (15), Vĩnh Cửu (12), Định Quán (14).
- + 25 TYT lưu động tại khu công nghiệp: Biên Hòa (04), Nhơn Trạch (08), Long Khánh (01), Xuân Lộc (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01), Định Quán (01), Long Thành (03), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (04).
- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 627 ca mắc mới trong ngày (giảm 31,6%), trong đó có 46 ca phát hiện qua xét nghiệm khẳng định Realtime RT-PCR (giảm 51,6%), 581 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (giảm 29,2%).

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 291.027 ca nhiễm (bằng phương pháp Realtime RT-PCR và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2)

- Huyện Nhơn Trạch đề nghị điều chỉnh số liệu dân số từ 12 tuổi trở lên trên địa bàn huyện từ 261.879 người thành 233.603 người (giảm 28.276 người) vì lý do di biến động dân cư khi người lao động về quê sau khi hết giãn cách. Do đó, tỉ lệ tiêm chủng vắc xin thực tế trên địa bàn huyện tăng.

- Tỉnh đã thực hiện tiêm 5.784.320 liều vắc xin phòng COVID-19, trong đó có 2.815.449 liều mũi 1; 2.705.339 liều mũi 2; 242.992 liều bổ sung và 67.777 liều nhắc lại;

- Tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ 12 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 102,24% ; Mũi 2: 98,24%; Mũi 3: 8,82%

- 10/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỉ lệ trên 90% người dân đã được tiêm đủ liều vắc xin trừ huyện Trảng Bom (đạt 88,58%). Trong đó các huyện, thành phố có tỉ lệ bao phủ mũi 2 cao nhất đạt trên 98% bao gồm: Biên Hòa, Long Khánh, Long Thành, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc.

- Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,01%.

- Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 98,25%.

- Tỉ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

+ Mũi 1: 95,14%; Mũi 2: 85,36%

- Đến nay, tại Việt Nam đã ghi nhận 24 ca mắc COVID-19 do biến thể Omicron, đều là các ca được cách ly ngay sau khi nhập cảnh tại Hà Nội (1), Quảng Nam (14), TP. Hồ Chí Minh (5), Hải Dương (1), Hải Phòng (1), Thanh Hóa (2). Tỉnh Đồng Nai cũng có nguy cơ xâm nhập biến thể Omicron rất cao do số lượng chuyên gia nước ngoài nhập cảnh làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh lớn.

- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 06/01/2022: tỉnh Đồng Nai ở mức nguy cơ cấp độ 2, tất cả 11/11 huyện/thành phố đều có mức độ nguy cơ ở cấp độ 2.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kì đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.

- Các sở, ngành, địa phương phối hợp thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành nghiêm thông điệp 5K tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng,... để phòng, chống dịch bệnh

- Các địa phương thực hiện thống nhất, đồng bộ công văn số 13832/UBND-KGVX ngày 10/11/2021 về việc hướng dẫn tạm thời quy trình xử lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh và số 13650/UBND-KGVX ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai quản lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại nhà trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội (Cập nhật ngày 05/01/2022)

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

	Trong ngày	Lũy kế
Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	01 đơn vị	9.687 đơn vị
2. Người lao động	6.346 người	1.424.939 người
3. Hộ kinh doanh	208 hộ	20.219 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	01 đơn vị	9.687 đơn vị
2. Người lao động	3.889 người	1.388.506 người

3. Hộ kinh doanh	208 hộ	19.449 hộ
------------------	--------	-----------

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	TP. Biên Hòa	502.872/518.198	897,51/948,81	97,04
2	Cẩm Mỹ	27.726/27.735	41,76/41,79	99,97
3	Định Quán	59.205/59.205	99,77/99,77	100
4	TP. Long Khánh	59.414/59.414	95,70/95,70	100
5	Long Thành	82.777/82.777	134,06/134,06	100
6	Nhơn Trạch	145.505/148.001	251,43/255,17	98,31
7	Tân Phú	53.654/54.058	88,08/88,68	99,25
8	Trảng Bom	190.812/193.486	319,79/325,73	98,62
9	Thống Nhất	43.828/43.828	65,92/65,92	100
10	Xuân Lộc	91.346/98.250	133,14/146,74	92,97
11	Vĩnh Cửu	87.619/87.623	247,32/247,32	100
	Tổng cộng	1.344.758/1.372.575	2.377,72/2.449,71	97,97

Lưu ý: bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TƯ, UBND Tỉnh;
- BCD tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT
(Cập nhật đến ngày 06/01/2022 tại Báo cáo số 1039/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố		Xã, phường	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Cấp 1 (Bình thường mới)	00	0%	25 (giảm 05)	14,71%
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	11	100,0%	112 (tăng 11)	65,88%
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	0%	33 (giảm 06)	19,41%
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	0%	00	0%

Tỉnh Đồng Nai: Cấp 2
(Số ca mắc mới trong cộng đồng trong tuần đạt 126 ca/100.000 dân,
tỉ lệ người từ 50 tuổi trở lên tiêm đủ liều vắc xin đạt trên 80%)
170/170 xã, phường đã thiết lập Trạm Y tế lưu động, 26/31 KCN có Trạm Y tế lưu động

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)			Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	>= 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận	
							Số Ca	Đã tiêm VX 1 mũi	Đã tiêm VX 2 mũi		Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình						Nhẹ và Không triệu chứng
															Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																								
1	BVĐN/ HSTC	40	50		1	1	3	1	2	24		404		3		20	1						21	
2	BVTN/TTHSTC	200	50	3			2		2	46	310	620	356	9	5	19	10	2	0			30	26	
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	50	6	0	0	2	0	0	42	104	145	120	15	0	5	15	7	0	0	0	24	17	8
4	BVĐKKVLT	100	100	2	2	0	2	2	0	28	97	214	74	11	3	2	12	0	0	0	0	14	15	72
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	0	0	0	4	4	6	0	0	2	2	0	0	0	0	4	0	0	0
6	BV Định Quán	60	30	1	0	0	0			20	26	33	72	5	0	0	7	0	4	0	0	7	10	10
7	BV Đồng Nai 2	10	31	2	0	0	0	0	0	31	156	22	1169	6	0	0	25	31	0	1	0	20	25	0

Tổng cộng (tầng 3)		530	321	14	3	1	9	3	4	195	697	1444	1791	49	10	48	70	40	4	1	4	95	114	90
TẦNG 2																								
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	180	4	7	0	0	0	0	21	56	3	2732	0	0	0	4	3	8	0	0	4	10	159
6	Bệnh viện ĐKKV Long Khánh	170	150	8	11	4	0	0	0	73	57	0	187	0	0	0	36	5	32	0	0	28	38	40
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	0	0	0	0	3	4	14	0	1069	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	20
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	3	7	2	0	0	0	16	43	0	1137	0	0	0	4	7	5	0	1	0	11	30
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	10	5	0	0	0	0	47	345	0	1999	0	0	0	1	41	6	0	30	0	0	13
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	2	2	0	0	0	0	25	0	0	638	0	0	0	15	5	1	0	3	14	18	125
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	100	70	4	0	0	0	0	0	10	3	4	94	0	0	0	7	6	5	0	0	5	10	58
16	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	0	0	0		5		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	Bệnh viện Đồng Nai 2	80	45	5	3	0	0	0	0	42	156	22	1169	6	0	0	25	31	11	2	1	22	23	38
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	100	80	3	2	0				27	321	6	744	3	1	2	6	7	8	0	0	7	16	53
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	1	1	0	0	0	0	4	47	22	517	1	0	0	1	3	0	0	0	1	1	61
21	Trung tâm Y tế Tân Phú	20	20	0	0	0	0	0	0	15	15	1	17	0	0	0	11	15	0	0	0	8	13	0
25	Trung tâm Y tế Cẩm Mỹ	90	90	2	10	0	0	0	0	32	40	2	647	0	0	0	2	10	20	5	1	8	20	58
27	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200		1					3								1	2					
Tổng cộng (tầng 2)		4800	3861	42	49	6	0	0	3	319	1097	65	10950	10	1	2	112	134	102	7	36	97	160	655
TẦNG 1																								
1	Biên Hòa	801	601	5	12	0	0	0	0	49	1335	22	19026	0	0	0	20	29	20	0	0	13	15	150
2	Long Khánh	400	310	0	0	0	0	0	0	20	74	0	828	0	0	0	0	0	20	0	0	1	9	
3	Vĩnh Cửu	120	120	0	5	4	0	0	0	0	1533	3	9102	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	120
4	Định Quán	100	89	2	0	0	0	0	0	19	2	0	466	0	0	0	0	0	19	0	3	1	3	70
5	Tân Phú	60	60	1	10	0	0	0	0	20	202	3	305	0	0	0	5	5	15	0	0	9	12	0
11	Nhon Trạch	4230	1500	0	0	0	0	0	0	0	0	17	9987	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1500
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		5711	2680	8	27	4	0	0	0	108	3146	45	39714	0	0	0	25	34	74	0	3	24	39	2572

TỔNG TÀNG (3+2+1)	11041	6862	64	79	11	9	3	7	622	4940	1554	52455	59	11	50	207	208	180	8	43	216	313	3317
--------------------------	--------------	-------------	-----------	-----------	-----------	----------	----------	----------	------------	-------------	-------------	--------------	-----------	-----------	-----------	------------	------------	------------	----------	-----------	------------	------------	-------------

**Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên
(Cập nhật ngày 09/01/2022)**

TT	Địa phương	Người trong độ tuổi tiêm chủng (Từ 12 tuổi trở lên)									
		Dân số	Số mũi tiêm trong ngày	Số mũi tiêm Mũi 1	Số mũi tiêm Mũi 2	Số mũi tiêm liều bổ sung	Số mũi tiêm liều nhắc lại	Tổng số liều vắc xin đã tiêm	Tỷ lệ Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 3
1	Biên Hòa	961.996	-	978.553	978.553	24.372	38.176	1.977.767	101,72%	101,72%	2,15%
2	Long Khánh	135.944	0	138.590	133.577	8.501	15.618	296.286	101,95%	98,26%	6,25%
3	Long Thành	215.692	1.049	245.813	232.110	34.522	4.160	516.605	113,96%	107,61%	16,01%
4	Nhon Trạch	233.603	0	260.954	215.137	20.233	2.899	499.223	111,71%	92,10%	8,66%
5	Thống Nhất	146.707	-	131.970	132.844	9.131	0	273.945	89,95%	90,55%	6,22%
6	Trảng Bom	318.163	-	312.017	281.821	21.539	0	615.377	98,07%	88,58%	6,77%
7	Vĩnh Cửu	137.042	3.147	147.560	139.627	18.919	122	306.228	107,68%	101,89%	13,81%
8	Xuân Lộc	188.699	1.510	209.903	202.849	40.000	1.452	454.204	111,24%	107,50%	21,20%
9	Cẩm Mỹ	115.087	1.535	105.784	108.374	23.600	0	237.758	91,92%	94,17%	20,51%
10	Định Quán	171.083	930	157.587	157.722	35.333	0	350.642	92,11%	92,19%	20,65%
11	Tân Phú	129.710	0	126.718	122.725	6.842	5.350	256.285	97,69%	94,61%	5,27%
	Tỉnh Đồng Nai	2.753.726	8.171	2.815.449	2.705.339	242.992	67.777	5.784.320	102,24%	98,24%	8,82%

Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi
(Cập nhật ngày 09/01/2022)

TT	Địa phương	Người từ 65 tuổi trở lên (A)			Người từ 50 tuổi trở lên (B)			Trẻ em (Từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi)							
		Dân số (A)	Số lượng (A) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số (B)	Số lượng (B) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số	Số điểm tiêm	Số mũi tiêm (Mũi 1)	Tỷ lệ %	Số mũi tiêm (Mũi 2)	Tỷ lệ %	Phản ứng nhẹ	Phản ứng nặng
1	Biên Hòa	63.535	63.259	99,57%	198.192	196.674	99,23%	93.343	82	87.056	91,82%	76.398	79,59%	3	1
2	Long Khánh	13.089	13.051	99,71%	37.675	36.408	96,64%	15.138	10	15.138	100,00%	14.690	97,04%		
3	Long Thành	23.449	23.271	99,24%	59.238	58.163	98,19%	24.626	21	26.557	107,84%	23.692	96,21%	1	0
4	Nhon Trạch	15226	14.632	96,10%	48894	48.110	98,40%	18.215	3	16.485	90,50%	11703	64,25%	0	0
5	Thống Nhất	13.037	12.132	93,06%	37.414	33.630	89,89%	16.405	13	14.953	91,15%	13.249	80,76%	0	0
6	Trảng Bom	19.115	19.097	99,91%	92.978	91.287	98,18%	34.961	100	33.150	94,82%	29.990	85,78%	0	0
7	Vĩnh Cửu	9.484	9.138	96,35%	32.466	30.342	93,46%	15.893	40	14.128	88,89%	13.004	81,82%	2	0
8	Xuân Lộc	19.734	18.427	93,38%	57.427	57.427	100,00%	22.654	15	21.528	95,03%	20.428	90,17%		
9	Cẩm Mỹ	10.044	10.109	100,65%	34.375	34.540	100,48%	12.810	36	12.820	100,08%	11.169	87,19%	0	0
10	Định Quán	13.719	13.161	95,93%	34.790	35.621	102,39%	20.291	0	19.980	98,47%	19.655	96,87%	0	0
11	Tân Phú	11.970	11.907	99,47%	23.040	22.767	98,82%	17.908	24	16.234	90,65%	15.490	86,50%	6	0
	Tỉnh Đồng Nai	212.402	208.184	98,01%	656.489	644.969	98,25%	292.244	344	278.029	95,14%	249.468	85,36%	12	1